

SOME FINDINGS FROM REVIEWING THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM IN LITERATURE AT THE LOWER SECONDARY LEVEL

Nguyen Thi Thanh Nga^{*1}, Doan Thi Thuy Hanh², Vo Thanh Ha³,
Nguyen Thi Kieu Anh⁴, Bui Thanh Thuy⁵

* Corresponding author:
Email: ngant@gesd.edu.vn

² Email: hanhdt@gesd.edu.vn

³ Email: havt@gesd.edu.vn

⁴ Email: anhntk@gesd.edu.vn

⁵ Email: thuybt@gesd.edu.vn

^{1,2,3,4,5} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao street, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 21/9/2025

Revised: 27/10/2025

Accepted: 05/11/2025

Published: 20/12/2025

Abstract: This article examines implementation practices, analyzes the strengths and limitations of the curriculum, and proposes appropriate adjustments. Data were collected through curriculum text analysis, surveys of teachers and administrators. The research findings indicate that the curriculum clearly reflects a competency- and character-oriented approach, features a coherent structure, and incorporates modern content. Nevertheless, certain shortcomings persist, particularly in relation to the volume of knowledge, the overly academic nature of some content, and the clarity of specified learning outcomes. These results provide a scientific basis for curriculum revision and offer valuable insights for teachers, school administrators, and policymakers in improving the quality of implementation. The findings confirm that periodic review ensures the continuity and effectiveness of curriculum development.

Keywords: Curriculum, Literature subject, secondary school, review, requirement.

MỘT SỐ KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nguyễn Thị Thanh Nga^{*1}, Đoàn Thị Thúy Hạnh², Võ Thanh Hà³,
Nguyễn Thị Kiều Anh⁴, Bùi Thanh Thủy⁵

* Tác giả liên hệ:
Email: ngant@gesd.edu.vn

² Email: hanhdt@gesd.edu.vn

³ Email: havt@gesd.edu.vn

⁴ Email: anhntk@gesd.edu.vn

⁵ Email: thuybt@gesd.edu.vn

^{1,2,3,4,5} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 21/9/2025

Chỉnh sửa xong: 27/10/2025

Chấp nhận đăng: 05/11/2025

Xuất bản: 20/12/2025

Tóm tắt: Bài viết này tập trung khảo sát thực tiễn triển khai, phân tích các ưu thế và hạn chế của chương trình, qua đó đưa ra những kiến nghị điều chỉnh phù hợp. Dữ liệu được thu thập thông qua việc phân tích văn bản chương trình, khảo sát giáo viên và cán bộ quản lý. Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình thể hiện rõ định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, cấu trúc hợp lý, nội dung mang tính hiện đại. Mặc dù vậy, chương trình vẫn có một số điểm chưa hợp lý về khối lượng kiến thức, tính hàn lâm của một số nội dung, mức độ tường minh trong các yêu cầu cần đạt... Kết quả nghiên cứu này tạo cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh chương trình, đồng thời cung cấp thông tin hữu ích cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý trong việc nâng cao chất lượng thực thi chương trình. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, rà soát định kì góp phần bảo đảm tính liên tục và hiệu quả phát triển chương trình.

Từ khóa: Chương trình, môn Ngữ văn, Trung học cơ sở, rà soát, yêu cầu cần đạt.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục là một quá trình liên tục, mang tính chu kỳ. Chu trình này thường bao gồm các khâu từ nghiên cứu nhu cầu đến thiết kế chương trình, thực nghiệm, triển khai đại trà, giám sát, đánh giá, rà soát, điều chỉnh và tiếp tục triển khai phiên bản cập nhật. Như vậy, việc rà soát và điều chỉnh chương trình không phải

là sự phủ nhận những giá trị và nỗ lực của giai đoạn xây dựng ban đầu, mà ngược lại, nó là một minh chứng cho tính khoa học, tính thực tiễn và tinh thần cầu thị trong công tác phát triển chương trình. Bất kỳ chương trình nào dù được xây dựng công phu đến đâu cũng cần rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với những phản hồi và điều kiện mới sau một thời gian triển khai trong thực tiễn. Đây là yêu cầu để đảm

bảo chương trình luôn giữ được tính cập nhật, tính phù hợp và tính hiệu quả. Kinh nghiệm phát triển chương trình của một số nước trên thế giới như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, New Zealand đã khẳng định điều đó (Ohagi, A., 2022; Sinnema, C., 2011). Chương trình có thể được rà soát theo chu kỳ ở tất cả các môn hoặc không theo chu kỳ và ở một số môn tùy thuộc vào thực tiễn.

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 nói chung đã đi qua một giai đoạn triển khai hơn 5 năm. Đây là một khoảng thời gian đủ để Chương trình bộc lộ những ưu điểm và những tồn tại, hạn chế cần chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với thực tiễn. Do đó, việc nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, khoa học những gì đã làm được, những gì cần cải thiện là một việc làm cần thiết. Trong thời gian qua, các hoạt động rà soát chương trình tổng thể và chương trình môn học đã được triển khai. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, rà soát chương trình các môn học để đưa ra những nhìn nhận và vi chỉnh trước mắt. Ngoài ra một số nghiên cứu cũng đã đề cập tới vấn đề này. Có thể kể đến nghiên cứu của Đào Văn Toàn (2024) đã đưa ra định hướng chung về rà soát các môn học cấp Tiểu học, nghiên cứu của Võ Thanh Hà (2024) về rà soát Chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học. Tuy nhiên chưa có một nghiên cứu, đánh giá khoa học về Chương trình môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi trình bày một số rà soát ban đầu từ đó đưa ra một số đề xuất mang tính định hướng để thực hiện hiệu quả hơn Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở trong thực tiễn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Quá trình nghiên cứu được thực hiện một cách hệ thống theo các bước từ tìm kiếm tài liệu, xử lý tài liệu, phân tích và tổng hợp. 1) Tìm kiếm tài liệu: Nguồn tài liệu tập trung vào các văn bản chính: *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018*, *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* và các nghiên cứu liên quan đến việc rà soát Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn trong và ngoài nước. Trong đó, *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* là đối tượng phân tích cốt lõi; 2) Phân tích, xử lý tài liệu: Các tài liệu được xử lý, rà soát trên các cấu phần, yếu tố của chương trình từ mục tiêu, quan điểm đến nội dung, yêu cầu cần đạt; 3) Phân tích, tổng hợp: Nghiên cứu đã tiến hành phân tích để chỉ ra những ưu điểm và những tồn tại, hạn chế của chương trình từ đó đưa ra những đề xuất bổ sung, điều chỉnh.

Phương pháp khảo sát, điều tra bằng phiếu hỏi: Nhằm thu thập dữ liệu từ thực tiễn, chúng tôi đã tiến hành khảo sát trực tuyến bằng phiếu hỏi. Đối tượng khảo sát gồm gần 200 cán bộ quản lý và giáo viên Ngữ văn cấp Trung học cơ sở tại tỉnh Bắc Ninh. Trong đó, 173 người (98%) là giáo viên trực tiếp giảng dạy, 4 người (2%) là cán bộ quản lý. Phiếu hỏi được thiết kế với các câu hỏi định tính nhằm khai thác ý kiến, quan điểm của giáo viên về Chương trình Ngữ văn cấp Trung học cơ sở. Câu hỏi khảo sát gồm các nội dung: 1/Những thuận lợi và khó khăn khi giảng dạy, triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018; 2/ Nội dung, yêu cầu cần đạt chưa hợp lý trong chương trình; 3/ Các đề xuất khi giảng dạy môn Ngữ văn; 4/ Đề xuất bổ sung, điều chỉnh đối với nội dung kiến thức, yêu cầu cần đạt trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn Trung học cơ sở. Sau khi thu thập dữ liệu, các câu trả lời được xử lý bằng thống kê mô tả, chủ yếu thông qua việc tính tần suất và tỉ lệ phần trăm số lượng ý kiến trả lời cho từng câu hỏi. Cách tiếp cận này giúp lượng hóa các ý kiến định tính thành dữ liệu định lượng, qua đó phản ánh đánh giá của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về chương trình. Một số ý kiến định tính của giáo viên được sử dụng trong quá trình phân tích, là cơ sở đưa ra nhận xét, đánh giá về Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả khảo sát giáo viên về Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 chia nội dung dạy học theo hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản (Tiểu học và Trung học cơ sở) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (Trung học phổ thông). Trong đó mỗi giai đoạn có những đặc điểm riêng. Ở cấp Trung học cơ sở, môn Ngữ văn hướng đến mục tiêu giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở tiểu học ở mức độ nâng cao và mở rộng hơn. Ngoài ra, môn học này còn giúp học sinh tiếp tục phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học) đã hình thành ở cấp tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Thực tiễn triển khai chương trình trong những năm qua đã cho thấy những ưu điểm và tồn tại nhất định. Kết quả khảo sát giáo viên được thực hiện là một kênh tham khảo hữu ích trong quá trình rà soát chương trình.

Khảo sát được thực hiện với đối tượng là giáo viên và cán bộ quản lý môn Ngữ văn cấp Trung học

cơ sở ở tỉnh Bắc Ninh. Nội dung khảo sát tập trung vào những thuận lợi, khó khăn, điểm chưa hợp lý về nội dung và yêu cầu cần đạt, một số đề xuất khi triển khai chương trình môn Ngữ văn cấp Trung học. Với những câu hỏi khảo sát định tính, chúng tôi đã thu thập được những ý kiến của chính những người đang trực tiếp thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở.

Về thuận lợi, kết quả nhận được miêu tả ở Bảng 1:

Bảng 1: Thuận lợi của cán bộ quản lý, giáo viên khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 cấp Trung học cơ sở

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Nội dung chương trình rõ ràng	49	27.7
2	Tập huấn đầy đủ	35	19.8
3	Học sinh tích cực, hứng thú	35	19.8
4	Tài liệu (ngữ liệu, sách giáo khoa, giáo trình) đầy đủ	18	10.2
5	Đội ngũ giáo viên đảm bảo	13	7.3
6	Cơ sở vật chất đáp ứng	10	5.6
7	Cán bộ quản lý quan tâm chỉ đạo	10	5.6
8	Không có ý kiến	7	4.0
Tổng		177	100,00

Kết quả khảo sát cho thấy thuận lợi lớn nhất khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 là Nội dung chương trình rõ ràng (27,7%), tiếp đến là được tập huấn đầy đủ (19,8%) và học sinh tích cực, hứng thú (19,8%). Các yếu tố như tài liệu (10,2%), đội ngũ giáo viên vững chuyên môn (7,3%), cơ sở vật chất hỗ trợ (5,6%) và sự quan tâm của cán bộ quản lý (5,6%) cũng là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên hiệu quả ban đầu. Nhìn chung, giáo viên đánh giá chương trình mới có định hướng tốt, được hỗ trợ tập huấn chu đáo và được học sinh hưởng ứng tích cực, song vẫn còn cần thêm sự đầu tư về cơ sở vật chất và sự đồng hành chặt chẽ từ quản lý để đạt hiệu quả cao hơn.

Về khó khăn, kết quả khảo sát như Bảng 2 dưới đây.

Kết quả cho thấy, yếu tố gây khó khăn lớn nhất trong quá trình triển khai chương trình là năng lực

Bảng 2: Khó khăn của cán bộ quản lý, giáo viên khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 ở cấp Trung học cơ sở

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Năng lực nhận thức của học sinh hạn chế	72	40.7
2	Không khó khăn	29	16.4
3	Thời lượng ngắn, khối lượng kiến thức nhiều	20	11.3
4	Năng lực, trình độ của giáo viên chưa đồng đều	20	11.3
5	Chương trình nhiều kiến thức	16	9.0
6	Tài liệu ít, hạn chế	13	7.3
7	Cơ sở vật chất thiếu thốn	7	4.0
Tổng		177	100,00

Bảng 3: Nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 cấp Trung học cơ sở chưa hợp lý

STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ
1	Không	93	52,5%
2	Ngữ liệu	48	27,1%
3	Kiến thức Tiếng Việt	18	10,2%
4	Kiến thức Văn học	18	10,2%
Tổng		177	100,00

nhận thức của học sinh (40,7%). Tiếp theo là thời lượng tiết học ngắn trong khi khối lượng kiến thức lớn (11,3%). Bên cạnh đó, năng lực và trình độ của giáo viên chưa đồng đều (11,3%), chương trình có nhiều kiến thức trừu tượng (9%), tài liệu tham khảo còn hạn chế (7,3%), cơ sở vật chất còn thiếu thốn (4%). Hơn nữa nội dung chương trình vẫn tồn tại những điểm chưa hợp lý (xem Bảng 3):

Bảng tổng hợp kết quả cho thấy, 27,1% cho rằng ngữ liệu còn dài, khó và xa lạ với lứa tuổi học sinh. 10,2% giáo viên nhận định kiến thức Tiếng Việt còn dàn trải, thiếu hệ thống, tích hợp chưa mạch lạc, 10,2% khác cho rằng, kiến thức văn học còn nặng tính hàn lâm, trừu tượng, đặc biệt ở các văn bản trung đại, thơ Đường hay kịch nước ngoài. Các ý kiến cụ thể liên quan đến yêu cầu cần đạt được phản ánh qua

Bảng 4 dưới đây:

Bảng 4: Yêu cầu cần đạt Chương trình môn Ngữ văn 2018 cấp Trung học cơ sở chưa phù hợp

STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Không	123	69.5 %
2	Viết bài văn nghị luận	23	13.0 %
3	Đọc hiểu văn bản nghị luận	19	10.7 %
4	Đọc hiểu văn bản văn học	6	3.4 %
5	Nói - nghe	4	2.3 %
6	Văn bản thông tin	2	1.1 %
Tổng		177	100,00

Trong tổng số 177 ý kiến, có 123 ý kiến (69,5%) cho rằng các yêu cầu cần đạt trong chương trình phù hợp với học sinh trung học cơ sở. Tuy nhiên, vẫn có yêu cầu cần đạt được cho là chưa phù hợp như “Viết bài văn nghị luận” (13,0%) và “Đọc hiểu văn bản nghị luận” (10,7%). Các ý kiến cho rằng, yêu cầu đọc hiểu văn bản nghị luận quá cao, chưa phù hợp với trình độ tiếp nhận của học sinh, nhất là ở lớp 6. Các yêu cầu về “Đọc hiểu văn bản văn học” (3,4%), “Nói - nghe” (2,3%) và “Văn bản thông tin” (1,1%) chiếm tỉ lệ thấp hơn nhưng cũng phản ánh rằng vẫn còn những điểm bất cập nhất định.

Từ thực tế giảng dạy, giáo viên và cán bộ quản lí đã đưa ra đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chương trình. Cụ thể ở Bảng 5 như sau:

Bảng 5: Đề xuất của cán bộ quản lí, giáo viên về triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 cấp Trung học cơ sở

STT	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Không	48	27.6%
2	Ngữ liệu	34	19.5%
3	Khối lượng kiến thức	22	12.6%
4	Tài liệu tham khảo, học liệu	22	12.6%
5	Phương pháp dạy học	14	8.0%
6	Viết bài văn nghị luận	11	6.3%

STT	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỉ lệ (%)
7	Kiến thức Tiếng Việt	7	4.0%
8	Tập huấn	6	3.4%
9	Cơ sở vật chất	6	3.4%
10	Nói - nghe	4	2.3%
Tổng		177	100,00

Bảng 5 cho thấy, 12,6% giáo viên đề nghị giảm tải, điều chỉnh khối lượng kiến thức, 12,6% mong muốn bổ sung tài liệu tham khảo, học liệu hỗ trợ, 8% đề xuất tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, 3,4% đề xuất tăng cường tập huấn chuyên sâu cho giáo viên và 3,4% mong muốn được đầu tư thêm cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ thông tin. Về nội dung chương trình, 27,1% ý kiến đề xuất giảm bớt những văn bản dài, khó, xa lạ, bổ sung thêm các văn bản gần gũi, hấp dẫn hơn với học sinh. 10,2% ý kiến cho rằng, kiến thức văn học còn hàn lâm, trừu tượng, nhất là ở các văn bản văn học trung đại, thơ Đường, kịch nước ngoài; cần sắp xếp hợp lí để phù hợp tâm lí lứa tuổi. 10,2% ý kiến phản ánh kiến thức tiếng Việt dàn trải, thiếu hệ thống, nhiều kiến thức dồn trong một tiết, cần hệ thống hóa, cân đối giữa lí thuyết và thực hành. Về yêu cầu cần đạt, 13% giáo viên đề nghị hạ độ khó ở yêu cầu viết bài văn nghị luận và 10,7% đề nghị điều chỉnh đọc hiểu văn bản nghị luận vì còn quá sức, đặc biệt ở lớp 6 -7. 3,4% ý kiến khác đề nghị phân bổ đọc hiểu văn bản văn học hợp lí hơn. Các kĩ năng nói - nghe (2,3%) và văn bản thông tin (1,1%) mong muốn có hướng dẫn rõ ràng trong cách tổ chức và đánh giá.

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số giáo viên cơ bản đồng thuận với Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, song vẫn còn một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả triển khai. Những kiến nghị tập trung vào việc giảm tải và điều chỉnh khối lượng kiến thức, bổ sung tài liệu, học liệu hỗ trợ, đồng thời chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn và đầu tư cơ sở vật chất, điều chỉnh ngữ liệu, sắp xếp lại kiến thức văn học và tiếng Việt để bảo đảm tính gần gũi, hệ thống và phù hợp với lứa tuổi. Đặc biệt, nhiều giáo viên nhấn mạnh cần giảm độ khó ở yêu cầu viết bài văn nghị luận và điều chỉnh yêu cầu đọc hiểu văn bản nghị luận. Điều này gợi mở rằng, việc tiếp tục rà soát, điều chỉnh linh hoạt cùng với tăng cường hỗ trợ về chuyên môn và điều kiện dạy học sẽ là yếu tố then

chốt để chương trình phát huy hiệu quả bền vững.

3.2. Một số kết quả rà soát bước đầu về Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở

3.2.1. Về nội dung kiến thức cốt lõi

Nội dung kiến thức trong chương trình môn Ngữ văn được cấu trúc gồm ba mạch chính: Kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học và hệ thống ngữ liệu tham chiếu. Việc phân tích hệ thống này dựa trên các tiêu chí: đáp ứng mục tiêu chương trình môn học; đảm bảo cơ bản, tinh giản, thiết thực, hiện đại; đảm bảo liên kết dọc (giữa các lớp) và ngang (với các môn học khác); phù hợp với lứa tuổi, trình độ học sinh.

Nhìn chung, nội dung giáo dục được quy định cho cấp học và định hướng cho từng lớp đã bám sát mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học. Các đơn vị kiến thức tiếng Việt không còn được giảng dạy như những bài học lí thuyết độc lập mà trở thành công cụ để phục vụ cho bốn kĩ năng: Đọc, Viết, Nói và Nghe. Chẳng hạn, kiến thức về câu ghép, thành phần biệt lập, các biện pháp tu từ được tích hợp trực tiếp vào quá trình đọc hiểu, giải mã văn bản và tạo lập văn bản, giúp học sinh nhận thức rõ vai trò thực tiễn của ngữ pháp và tu từ. Tương tự, mạch kiến thức văn học cung cấp cho học sinh những vấn đề như đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, thể loại... để học sinh có chất liệu, kiến thức, từ đó phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Việc mở rộng hệ thống ngữ liệu sang văn bản nghị luận và văn bản thông tin cũng đáp ứng trực tiếp mục tiêu trang bị cho học sinh năng lực đọc hiểu đa dạng các loại hình văn bản trong đời sống, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập.

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đã thể hiện nhiều nỗ lực đáng ghi nhận trong việc đảm bảo tính cơ bản, thiết thực và hiện đại. Tính cơ bản được thể hiện qua việc lựa chọn các đơn vị kiến thức cốt lõi, nền tảng của tiếng Việt và văn học. Tính hiện đại và thiết thực thể hiện qua việc đưa vào chương trình các thể loại mới như truyện khoa học viễn tưởng (lớp 7), truyện trinh thám (lớp 9), hài kịch (lớp 8) và các loại văn bản thông tin gắn liền với xã hội hiện đại như bài phỏng vấn, tờ rơi quảng cáo (lớp 9). Những nội dung này không chỉ làm phong phú chương trình mà còn giúp môn Ngữ văn gần gũi hơn với đời sống và sở thích của thế hệ học sinh ngày nay. Chương trình đã đảm bảo tính tinh giản và thiết thực khi chỉ quy định những kiến thức tiếng Việt và văn học cốt lõi, cần thiết; không đưa vào tri thức lí luận hàn lâm, kiến thức văn học sử. Tuy nhiên, một số nội dung kiến thức vẫn còn mang tính hàn lâm, phức tạp, gây khó khăn trong việc giảng dạy và tiếp

thu. Điển hình là khối kiến thức về cốt truyện đa tuyến, thi luật thơ Đường (niêm, luật, đối) ở lớp 8, vốn đòi hỏi sự am hiểu sâu và trù tượng. Đây là những thách thức đối với tư duy của học sinh đại trà. Bên cạnh đó, danh mục kiến thức tiếng Việt ở một số lớp, đặc biệt là lớp 8, còn khá dày đặc (trợ từ, thân từ, tình thái từ, các kiểu câu...), có thể gây quá tải nếu giáo viên không có phương pháp phù hợp.

Chương trình thể hiện rất rõ thế mạnh trong việc đảm bảo liên kết dọc. Nội dung và yêu cầu được thiết kế theo cấu trúc đồng tâm, phát triển theo hình xoắn ốc. Kiến thức và kĩ năng được giới thiệu ở lớp dưới sẽ được củng cố, mở rộng và nâng cao ở các lớp trên. Ví dụ, kĩ năng viết văn bản tự sự từ chỗ kể lại một câu chuyện cổ tích (lớp 6) đã phát triển thành phân tích đặc điểm nhân vật (lớp 7), rồi tiến tới phân tích một tác phẩm văn học (lớp 8, 9). Kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận cũng được nâng cấp từ việc nhận diện luận điểm, lí lẽ (lớp 6, 7) đến phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố và vai trò của chúng trong việc thể hiện luận đề (lớp 8, 9). Sự phát triển có hệ thống này tạo ra một lộ trình học tập liên mạch, vững chắc cho học sinh. Tuy nhiên, về liên kết ngang (tích hợp với các môn học khác), chương trình dù có nhiều tiềm năng nhưng lại thiếu những chỉ dẫn cụ thể. Việc phân tích truyện lịch sử có thể kết nối với môn Lịch sử, viết bài thuyết minh về hiện tượng tự nhiên liên quan đến môn Khoa học tự nhiên, hay thảo luận về một vấn đề xã hội gắn với môn Giáo dục công dân nhưng tất cả đều phụ thuộc vào sự chủ động, sáng tạo của giáo viên thay vì một định hướng bắt buộc hay gợi ý mạnh mẽ từ chương trình. Điều này dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong việc triển khai dạy học tích hợp.

Phần lớn nội dung chương trình đảm bảo phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và trình độ học sinh. Các thể loại văn học được lựa chọn thường gần gũi với tâm lí tiếp nhận của từng độ tuổi, chẳng hạn như truyện đồng thoại, cổ tích ở lớp 6; ngụ ngôn, khoa học viễn tưởng ở lớp 7; truyện cười, hài kịch ở lớp 8. Việc đưa vào các vấn đề nghị luận xã hội phù hợp với nhu cầu bày tỏ quan điểm cá nhân đang phát triển mạnh mẽ ở lứa tuổi trung học cơ sở. Dù vậy, như đã phân tích ở trên, một số đơn vị kiến thức vẫn còn bị xem là quá sức hoặc vượt ngoài năng lực tư duy trung bình của học sinh, đặc biệt là học sinh ở các vùng khó khăn. Chẳng hạn, việc yêu cầu đọc hiểu văn bản nghị luận ở lớp 6, đọc hiểu thơ Đường ở lớp 8. Chương trình hiện tại cũng chưa thể hiện rõ định hướng phân hóa theo đối tượng học sinh, các nội dung và yêu cầu được đặt ra ở mức đồng đều, khiến học sinh yếu khó theo kịp trong khi học sinh giỏi lại thiếu những thử thách để bút phá.

3.2.2. Về yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt là đầu ra mong đợi của học sinh sau khi kết thúc mỗi lớp, cấp. Yêu cầu cần đạt của chương trình, định hướng trực tiếp cho hoạt động dạy, học và kiểm tra, đánh giá. Hệ thống yêu cầu cần đạt môn Ngữ văn được xây dựng công phu, chi tiết ở bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Chúng tôi rà soát yêu cầu cần đạt trong chương trình dựa trên các căn cứ về: sự đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi; sự thể hiện năng lực đặc thù môn học; sự đảm bảo tính phù hợp với lứa tuổi và liên kết dọc; tính tường minh và khả năng đo lường được.

Về sự phản ánh phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi: Hệ thống yêu cầu cần đạt đã thể hiện tốt tinh thần này. Các phẩm chất như yêu nước, nhân ái được bồi đắp một cách tự nhiên thông qua yêu cầu đọc hiểu, cảm thụ ngữ liệu thuộc các thể loại cổ tích, truyền thuyết, các tác phẩm văn học mang giá trị nhân văn sâu sắc. Năng lực chung được hình thành và phát triển thông qua định hướng phương pháp tổ chức dạy học và các hoạt động học tập cụ thể.

Về sự thể hiện năng lực đặc thù môn học: Đây là điểm mạnh nổi bật của chương trình. Các yêu cầu cần đạt giúp phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ và văn học, được chi tiết hóa theo bốn kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. Năng lực văn học được xây dựng thông qua các yêu cầu từ nhận biết các yếu tố hình thức (văn, nhịp, cốt truyện) đến phân tích sâu hơn về chủ đề, tư tưởng, thông điệp, mối quan hệ giữa nội dung và nghệ thuật, cảm nhận giá trị thẩm mĩ của văn bản và tạo lập được các tác phẩm văn chương. Năng lực ngôn ngữ được thể hiện rõ trong việc yêu cầu học sinh sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, linh hoạt để tiếp nhận và tạo lập các kiểu văn bản đa dạng. Tuy nhiên, rà soát kĩ Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở, có thể thấy chương trình chưa thể hiện được rõ yêu cầu phát triển phẩm chất và các năng lực chung. Yêu cầu cần đạt của các lớp chủ yếu tập trung phát triển năng lực đặc thù thông qua 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Năng lực văn học dường như cũng chưa được minh định một cách rõ ràng.

Về sự đảm bảo tính phù hợp với lứa tuổi và liên kết dọc: Hệ thống yêu cầu cần đạt đã thể hiện rõ sự tăng tiến về độ khó và độ phức tạp qua các lớp học. Nếu ở lớp 6, học sinh chủ yếu dừng lại ở mức độ nhận biết, tái hiện thì lên các lớp cao hơn, yêu cầu chuyển dần sang thông hiểu, vận dụng và phân tích, đánh giá (“phân tích được”, “đánh giá được”, “liên

hệ, so sánh”). Sự nâng cấp này là hợp lí, phù hợp với sự phát triển tư duy của học sinh và đảm bảo tính liên thông vững chắc. Tuy nhiên, một số yêu cầu cần đạt vẫn bị đánh giá là có độ khó cao, chưa thực sự “vừa sức” với mặt bằng chung của học sinh các vùng miền. Ví dụ, yêu cầu về đọc hiểu văn bản nghị luận ở lớp 6, “Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ” (lớp 7) hay “Làm một bài thơ tự do” (lớp 8) có thể là một thách thức đối với học sinh. Về tính liên kết dọc, một số yêu cầu cần đạt ở lớp sau và lớp trước không có sự khác biệt, chưa thể hiện được sự phát triển. Chẳng hạn, yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung văn bản nghị luận ở lớp 6 và lớp 7 “Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng”. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung của văn bản văn học ở lớp 8 và lớp 9 cũng chưa thể hiện rõ sự phát triển: “Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm”.

Về tính tường minh và khả năng đo lường được: Chương trình đã đưa ra các yêu cầu cần đạt nhằm đáp ứng mục tiêu môn học, thể hiện học sinh sẽ làm được gì sau khi học các kiến thức, kĩ năng. Đối với kĩ năng đọc, học sinh sẽ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ so sánh kết nối và đọc mở rộng. Đối với viết, học sinh sẽ đảm bảo quy trình viết và viết được một số kiểu bài văn được quy định theo lớp, trong chương trình. Tương tự, với nói và nghe, học sinh sẽ nói, trình bày được các kiểu bài và nghe được, phản hồi được, đồng thời biết tương tác khi nói và nghe. Tuy nhiên, một số yêu cầu trong chương trình chưa thể hiện rõ sự tường minh và khó có thể đo lường, đánh giá khi diễn đạt bằng những cụm từ định tính, còn chung chung, mơ hồ.

Cụm từ “bước đầu biết...” được sử dụng lặp lại ở một số yêu cầu cần đạt nhằm mục đích giảm nhẹ mức độ đối với học sinh chủ yếu học sinh lớp 6. Chẳng hạn: “Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện”. Hay “Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ” (lớp 7) ... Tuy nhiên, cụm từ này không cung cấp một tiêu chí rõ ràng, để xác định thế nào là “bước đầu”. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất trong cách dạy của giáo viên và cách đánh giá sản phẩm của học sinh.

Ngoài ra, một số yêu cầu trong chương trình còn chung chung, chưa thực sự tường minh. Chẳng hạn, yêu cầu về đọc hiểu hình thức văn nghị luận ở lớp 6: “Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị

luận". Yêu cầu này chưa rõ "đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận" được đề cập ở đây là gì. Một số yêu cầu cần đạt của kĩ năng viết nên cụ thể hóa hơn về mức độ, phạm vi đạt được. Ví dụ "Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện" (lớp 6). Nên làm rõ mức độ bước đầu học sinh cần viết được là như thế nào. Bên cạnh một số kiểu bài viết đã cụ thể hóa được yêu cầu trong chương trình, vẫn còn một số yêu cầu chưa rõ, thiếu cụ thể. Điều này không chỉ thể hiện ở kĩ năng viết của lớp 6 mà còn xuất hiện ở các lớp 7, 8, 9.

Tóm lại, kết quả khảo sát và rà soát bước đầu cho thấy Chương trình môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở là một văn bản chương trình có chất lượng, đáp ứng về định hướng tư tưởng và cấu trúc, mục tiêu của chương trình tổng thể. Tuy nhiên, để chương trình thực sự hiệu quả khi triển khai trong thực tiễn giáo dục, cần có sự rà soát, điều chỉnh, bổ sung. Đó cũng là một khâu trong chu trình xây dựng và phát triển chương trình. Cần thiết phải tinh giản hơn nữa những nội dung còn nặng tính hàn lâm, đồng thời làm rõ phạm vi kiến thức ở một số đơn vị. Quan trọng hơn cả, hệ thống yêu cầu cần đạt cần được rà soát, tường minh, cụ thể hơn, thay thế các cụm từ định tính, còn mơ hồ bằng những tiêu chí cụ thể, có thể đo lường được.

3.3. Một số đề xuất

- Điều chỉnh nội dung kiến thức, tinh giản một số nội dung còn mang tính học thuật, hàn lâm để phù hợp với nhận thức của học sinh, tăng cường những kiến thức thực tiễn, gần gũi, cập nhật với bối cảnh hiện nay.

- Một số yêu cầu cần đạt nên được diễn đạt rõ ràng hơn, thay thế những cụm từ định tính, mơ hồ bằng các tiêu chí cụ thể, có thể đo lường và đánh giá được. Ngoài ra, cần hạ thấp yêu cầu ở một số kĩ năng được đánh giá quá sức, đặc biệt là việc "Viết bài văn

nghị luận" và "Đọc hiểu văn bản nghị luận" ở các lớp đầu cấp như lớp 6 và 7.

- Tăng cường tập huấn chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ giáo viên, đảm bảo việc triển khai chương trình được đồng đều và hiệu quả.

- Nên tổ chức đánh giá tổng thể chương trình một cách bài bản, khoa học để nhìn nhận khách quan về những ưu điểm và những tồn tại, hạn chế. Từ đó đưa ra những đề xuất, điều chỉnh trước mắt và dài hạn nhằm phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông nói chung và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở nói riêng.

4. Kết luận

Kết quả rà soát bước đầu cho thấy Chương trình môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở 2018 được xây dựng trên nền tảng khoa học, hiện đại, với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Cấu trúc chương trình có tính hệ thống, logic và đã đem lại nhiều thuận lợi trong triển khai. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học cũng bộc lộ những khó khăn, như một số nội dung còn hàn lâm, khối lượng kiến thức chưa thật sự cân đối, yêu cầu cần đạt ở một số mức độ còn cao hoặc diễn đạt chưa tường minh, khó đo lường. Việc khảo sát ý kiến giáo viên cho thấy sự đồng thuận chung, đồng thời khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục cụ thể hóa yêu cầu và bổ sung học liệu, điều kiện dạy học để đảm bảo tính khả thi. Như vậy, rà soát chương trình không chỉ giúp củng cố những ưu điểm và khắc phục hạn chế, mà còn góp phần quan trọng trong quá trình phát triển chương trình theo chu kỳ, bảo đảm sự phù hợp và hiệu quả khi áp dụng vào thực tiễn.

Lời cảm ơn: Bài báo là một trong những sản phẩm của Nhiệm vụ: "Nghiên cứu, rà soát Chương trình môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018", mã số: V2025-12TX.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình Giáo dục phổ thông*.
 Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
 Đào Văn Toàn. (2024). *Định hướng nghiên cứu, rà soát Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 các môn học cấp Tiểu học*. Nhiệm vụ theo chức năng, Mã số: V2024 - 20TX.
 Ohagi, A. (2022). *Japanese-language education at junior high school: Post-yutori, the PISA shock, and the Abe administrations*. In K. Takayama, A. Yamada & S. Yamamoto (Eds.), *Japan's school curriculum for*

- the 2020s* (pp. 147-162).
 Sinnema, C. (2011). *Monitoring and evaluating curriculum implementation. Final evaluation report on the implementation of the New Zealand Curriculum 2008-2009*. Report to the Ministry of Education. Retrieved from <http://thehub.superu.govt.nz>
 Võ Thanh Hà, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Thị Kiều Anh, Bùi Thanh Thủy, Nguyễn Thị Quế. (2024). Một số kết quả rà soát Chương trình môn Ngữ văn cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 21(02), 44-52.